

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nội dung đánh giá		Tiêu chí đánh giá
1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ		
1.1 Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ theo yêu cầu của E-HSMT.	- Đáp ứng các yêu cầu	Đạt
- Có bảng mô tả, so sánh đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu tại Chương V- E-HSMT và cung cấp tài liệu chứng minh (mô tả bằng hình ảnh thực tế hoặc catalogue hoặc đường dẫn trên trang thông tin điện tử của hãng sản xuất).	- Không đạt một trong các nội dung nêu trên	Không đạt
1.2 Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa thiết bị:	Đáp ứng các yêu cầu	Đạt
- Bảng liệt kê đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa. Trong đó phải nêu đầy đủ các thông tin như: Xuất xứ, ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác, nước sản xuất; hãng sản xuất, năm sản xuất.	Có 1 yêu cầu không đáp ứng	Không đạt

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá
<p>- Có giấy phép/ủy quyền bán hàng của hãng thang máy chào thầu dành cho dự án này trong E-HSĐT hoặc khi nhà thầu được mời đối chiếu tài liệu và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của những tài liệu, thông tin do mình cung cấp.</p> <p>- Nhà thầu phải có văn bản cam kết:</p> <p>+ Hàng hóa cung cấp, lắp đặt có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, đầy đủ ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm theo quy định hiện hành, tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt.</p> <p>+ Hàng hoá cung cấp còn mới 100%, còn nguyên đai nguyên kiện, sản xuất từ năm 2025 trở về sau. Hàng hóa đảm bảo đồng bộ nguyên chiếc.</p> <p>+ Đối với hàng hóa sản xuất hoặc gia công lắp ráp trong nước: bản gốc hoặc Bản sao chứng thực: Chứng chỉ chất lượng được cơ quan có thẩm quyền cấp cho đơn vị sản xuất hoặc giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng</p> <p>+ Đối với hàng hóa nhập khẩu: bản gốc hoặc Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận xuất xứ, chứng nhận chất lượng (CO, CQ).</p> <p>Lưu ý:</p> <p><i>Đối với tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt Nam, được đơn vị có chức năng dịch thuật dịch và chịu trách nhiệm pháp lý về nội dung bản dịch thuật khi phát hành</i></p> <p><i>Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu mà nhà thầu cung cấp.</i></p>	
<p>2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa.</p>	

Nội dung đánh giá		Tiêu chí đánh giá
<p>2.1. Có kế hoạch, phương án tổ chức cung cấp hàng hóa cụ thể, hợp lý, đáp ứng tiến độ và phù hợp với nhu cầu thực tế của Cơ quan/Đơn vị sử dụng. Cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhập khẩu hoặc sản xuất thiết bị: Có thuyết minh chi tiết, hợp lý. - Bảo quản hàng hóa tại kho của nhà thầu trước khi cung cấp. - Biện pháp vận chuyển: - Phương án, quy trình vận chuyển đến đơn vị sử dụng. - Bảo quản để đảm bảo về chất lượng của thiết bị trong quá trình vận chuyển. - Phương án lắp đặt tại đơn vị sử dụng. 	Đáp ứng các yêu cầu	Đạt
	<p>Không có thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng không đầy đủ, không hợp lý, khả thi.</p> <p><i>Lưu ý: Có 01 tiêu chí không đạt thì kết quả đánh giá không đạt</i></p>	Không đạt
<p>2.2. Biện pháp đảm bảo chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển</p>	Có thuyết minh cụ thể, hợp lý	Đạt
	Không có thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng không đầy đủ, không hợp lý, khả thi.	Không đạt
<p>2.3. Biện pháp kiểm tra, nghiệm thu bàn giao hàng hóa và lắp đặt thiết bị cụ thể, hợp lý.</p>	Có thuyết minh cụ thể, hợp lý	Đạt
	Không có thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng không đầy đủ, không hợp lý, khả thi.	Không đạt
<p>2.4. Biện pháp phối hợp giữa các bên trong quá trình giao nhận cụ thể, hợp lý, phù hợp với điều kiện của Cơ quan.</p>	Có thuyết minh chi tiết.	Đạt
	Không có thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng không đầy đủ, không hợp lý, khả thi.	Không đạt
<p>2.5. Biện pháp tổ chức thi công lắp đặt thang máy và thi công các hạng mục liên quan phù hợp với quy mô và tính chất của gói thầu</p>	Có thuyết minh biện pháp thi công và bản vẽ thuyết minh biện pháp thi công chi tiết cho từng hạng mục công việc	
	Không đáp ứng yêu cầu	
3. Tiến độ cung cấp hàng hóa		

Nội dung đánh giá		Tiêu chí đánh giá
Tiến độ cung cấp, lắp đặt hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E- HSMT	Nhà thầu đề xuất tiến độ ≤ 90 ngày. Có bảng tiến độ thi công chi tiết bao gồm tất cả các nội dung công việc phù hợp với thuyết minh yêu cầu của E-HSMT, có bố trí nhân sự, thiết bị thi công phù hợp theo yêu cầu của E-HSMT. - Có biểu đồ bố trí/huy động nhân lực tham gia thi công phù hợp.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
4. Kế hoạch đào tạo, chuyển giao công nghệ và hướng dẫn sử dụng		
Kế hoạch đào tạo, chuyển giao công nghệ và hướng dẫn sử dụng gồm các nội dung chủ yếu sau: nội dung công việc; cách thức tiến hành.	Có đề xuất cụ thể và hợp lý.	Đạt
	- Không có đề xuất. Hoặc: - Có đề xuất nhưng không cụ thể, không hợp lý.	Không đạt
5. Bảo hành, bảo trì		
5.1 Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo hành tối thiểu 24 tháng hoặc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (<i>có cam kết của nhà thầu và đại diện hãng sản xuất</i>). - Nhà sản xuất phải có trung tâm bảo hành chính hãng tại Việt Nam (kèm tài liệu chứng minh). - Cam kết dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật trong thời gian bảo hành thiết bị, cam kết cung cấp phụ tùng thay thế chính hãng tối thiểu 05 năm sau khi hết thời gian bảo hành (<i>có cam kết của nhà thầu và đại diện hãng sản xuất</i>). - Bảo trì định kỳ 01 tháng/1 lần trong thời gian bảo hành (<i>có cam kết của nhà thầu và đại diện hãng sản xuất</i>). - Thời gian bảo hành các hạng mục công trình liên quan tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng. 	Đạt

Nội dung đánh giá		Tiêu chí đánh giá
	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác theo các yêu cầu như sau: + Khi xảy ra sự cố nhà thầu phải liên hệ khắc phục trong vòng 03 giờ ngay sau khi nhận được thông tin và phải khắc phục xong sự cố trong vòng 24 giờ. + Nếu quá 04 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư mà nhà thầu không cử người tới xác định nguyên nhân hoặc quá 08 giờ kể từ khi xác định hư hỏng thuộc phạm vi bảo hành của nhà thầu mà nhà thầu không tổ chức thực hiện công việc bảo hành thì Chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị hoặc cá nhân bất kỳ để sửa chữa và số tiền thuê này sẽ trừ vào số tiền bảo đảm bảo hành. 	
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
5.2 Yêu cầu chất lượng đối với đơn vị trực tiếp bảo hành, bảo trì sản phẩm	Nhà thầu phải có Giấy chứng nhận ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018 về cung cấp, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa Thang máy. Trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu này.	
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
6. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có):		
Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu (tính từ ngày ký hợp đồng là 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu	Nhà thầu có cam kết không có hợp đồng bị xử phạt do chậm tiến độ hoặc không đạt chất lượng gói thầu hoặc vi phạm các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chấm dứt hợp đồng và nhà thầu có cam kết không vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của pháp luật.	Đạt

Nội dung đánh giá		Tiêu chí đánh giá
	Không đáp ứng yêu cầu trên hoặc không có cam kết đính kèm.	Không đạt
7. Uy tín của nhà thầu		
Trong vòng 03 năm gần đây, tính đến thời điểm đóng thầu nhà thầu bị công bố vi phạm trên trang web https://muasamcong.mpi.gov.vn/	Không có trên trang web https://muasamcong.mpi.gov.vn/	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên hoặc không có cam kết đính kèm.	Không đạt
Kết luận:	a) Tất cả các tiêu chí được đánh giá là “đạt” hoặc “chấp nhận được”	Đạt
	b) Có tiêu chí được đánh giá là “không đạt”	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.

trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.